

Bản án số: 42/2018/HS-ST

Ngày: 09-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hiến Cường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Văn Vững**

2- Ông **Nguyễn Tuấn Anh**

- Thư ký phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Thi** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Tuấn Kiệt** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường A của Ủy ban nhân dân Huyện thuộc khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười. Tòa án Huyện mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1996; HKTT ấp D, xã MT, thành phố CL, Đồng Tháp và chỗ ở ấp D, xã GG, huyện CL, Đồng Tháp; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 02/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Z, sinh năm 1970 (con sống) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1973 (con sống); vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự không; tạm giữ ngày 30/6/2018 đến ngày 06/7/2018, áp dụng biện pháp bảo lãnh cho tại ngoại; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

1. **Võ Thanh T** - sinh năm: 1967 (Có mặt).

2. **Nguyễn Thị L** - sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã NM, huyện CL, Đồng Tháp.

(Bà L ủy quyền cho ông T theo giấy ủy quyền ngày 24/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã NM, huyện CL, Đồng Tháp).

** Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Thị X** - sinh năm: 1973 (Có mặt).
HKTT: Ấp D, xã MT, thành phố CL, Đồng Tháp.
Chỗ ở: Ấp D, xã GG, huyện CL, Đồng Tháp.
2. **Nguyễn Văn Đ** - sinh năm: 1988 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã PT, huyện CL, Đồng Tháp.
3. **Ngô Minh A** - sinh năm: 1977 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã PM, huyện CL, Đồng Tháp.
4. **Nguyễn Văn H** - sinh năm: 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp TT, xã NM, huyện CL, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 30/6/2018, ông Nguyễn Văn H phát hiện Nguyễn Văn C trèo lên chiếc giường phía trước trại ruộng của ông Võ Thanh T (địa chỉ ấp A, xã HT, huyện X) nhìn vào bên trong trại, nghi ngờ C trộm cắp tài sản của ông T, nên ông H truy hô bắt giữ C giao cho Cơ quan Công an. Quá trình điều tra, C khai nhận cùng cha, mẹ làm nghề cày, xới đất thuê cho người dân canh tác lúa. Do quen biết với nhiều người dân ở ấp A, xã HT, nên C và gia đình nhiều lần đến khu vực này để cày, xới đất. Trong các lần đến đây, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông T và bà L, C đã nhiều lần lấy trộm tài sản của ông T và bà Nguyễn Thị L, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ trong tháng 9/2017, nhưng không nhớ ngày, C đi bộ từ nơi đậu phà dưới kênh gần nhà của ông Nguyễn Văn P đến trại ruộng của ông T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nơi, C phát hiện ông T và bà L đã ngủ ở chiếc giường gỗ phía trước trại ruộng, cửa trại không khóa, C vào bên trong trại tìm kiếm tài sản thì phát hiện số tiền 4.000.000 đồng cất trong túi áo vải dài tay đang để trên chiếc giường gỗ. C lấy trộm hết số tiền này rồi đi về phà của mình. Sáng ngày hôm sau, bà L phát hiện bị mất tài sản, nhưng không trình báo Cơ quan Công an. Số tiền này C tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 22 giờ trong tháng 3/2018, nhưng không nhớ ngày, C đi bộ từ nơi đậu phà dưới kênh gần nhà của ông P đến trại ruộng của ông T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nơi, C phát hiện bà L đã ngủ ở chiếc giường gỗ phía trước trại ruộng, ông T không có ở trại, cửa trại không khóa. C vào bên trong trại tìm kiếm tài sản thì phát hiện số tiền 17.000.000 đồng cất trong túi áo vải dài tay đang để trên chiếc giường gỗ, C lấy trộm hết số tiền này rồi đi về phà của mình. Sáng ngày hôm sau, bà L phát hiện bị mất số tiền trên, nhưng không trình báo Cơ quan Công an. Số tiền trộm được C tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 24/6/2018, C đi bộ từ nơi đậu phà dưới kênh gần nhà của ông P đến trại ruộng của ông T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nơi, C phát hiện ông T và bà L đã ngủ ở chiếc giường gỗ phía trước trại ruộng, cửa trại bị khóa. C đi vòng ra phía sau trại nơi có vách bị hư hỏng tạo thành một khoảng trống, rồi chui vào bên trong trại. C quan sát phát hiện một điện thoại di động hiệu Meizu M5 Note của bà L đang để trên kệ gỗ gần cửa trại để sạc pin. C lén lút lấy trộm điện thoại rồi ra ngoài theo lối vào ban đầu và đem điện thoại về phà cất giấu. Đến ngày 25/6/2018, C đem điện thoại trộm được đến cửa hàng điện thoại Minh Thành (địa chỉ ấp A, xã PT, huyện CL) bán được số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền này, C sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà L không trình báo Cơ quan Công an. Đến ngày 07/7/2018, C đến cửa hàng điện thoại Minh Thành mua lại điện thoại Meizu M5 note giao nộp cho Cơ quan Công an.

Lần thứ tư: Vào khoảng 22 giờ ngày 26/6/2018, C đi bộ từ nơi đậu phà dưới kênh gần nhà của ông P đến trại ruộng của ông T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nơi, C phát hiện ông T và bà L đã ngủ ở chiếc giường gỗ phía trước trại ruộng, cửa trại bị khóa. Qua ánh sáng của trăng, C quan sát thấy điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 của ông T đang để trong mùng, cạnh nơi ông T đang nằm ngủ. C sử dụng dao lam đem theo sẵn trong người cắt dọc mùng nơi để điện thoại một đoạn dài 15cm, rồi đưa tay vào lấy điện thoại đem về cất giấu ở chiếc võng mùng của C giăng gần nơi neo đậu phà, với ý định giữ để sử dụng cá nhân khi đi đến nơi khác làm thuê. Đến khoảng 03 giờ ngày 27/6/2018, ông T phát hiện bị mất tài sản, nhưng không trình báo Cơ quan Công an. Đến 10 giờ ngày 30/6/2018, sau khi bị ông H phát hiện như đã nêu trên, C chỉ nơi cất giấu điện thoại Samsung Galaxy Note 5 để ông T thu giữ giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Bản Kết luận định giá số 36 ngày 04/7/2018 và số 43 ngày 31/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tháp Mười kết luận: Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 tại thời điểm mất trộm trị giá 2.500.000 đồng, điện thoại di động hiệu Meizu M5 Note tại thời điểm mất trộm trị giá 1.200.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà C trộm được của ông T và bà L là 24.700.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị L yêu cầu C trả lại số tiền 20.600.000 đồng đã lấy trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Hiện tại C đã trả lại được số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 15.600.000 C đồng ý trả nhưng chưa có tài sản để trả.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5; 01 (một) điện thoại di động hiệu Meizu M5 Note. Xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ

sở hữu.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSTM ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

Buộc bị cáo C bồi thường cho ông T và bà L số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

- Bị cáo C khai: Bị cáo không nhớ rõ thời gian nhưng vào năm 2017, bị cáo đến trại ruộng của ông T và bà L lấy trộm được số tiền 4.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 3/2018, bị cáo tiếp tục đến trại ruộng của vợ, chồng ông T lấy trộm được số tiền 16.600.000 đồng. Ngoài ra, vào các ngày 24, 26/6/2018, bị cáo đến trại ruộng của vợ chồng ông T lấy trộm 02 điện thoại, nhưng không nhớ hiệu gì. Đến ngày 30/6/2018, bị cáo đi ngang qua trại ruộng của vợ, chồng ông T, nghe có tiếng động, nên bị cáo vào xem thì bị ông H phát hiện, truy hỏi và bị cáo thừa nhận 04 lần lấy trộm tài sản như đã nêu.

- Người bị hại ông Võ Thanh T (bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông T) khai: Khoảng tháng 9/2017, tháng 3/2018 và các ngày 24, 26/6/2018, vợ, chồng ông đã bị mất số tiền 21.000.000 đồng và 02 điện thoại (hiệu Samsung Galaxy Note 5 và hiệu Meizu M5 Note). Bị cáo C là người lấy trộm tài sản và ông đã nhận lại 02 điện thoại bị mất. Đồng thời, sau khi bị mất số tiền 17.000.000 đồng vào tháng 3/2018, vợ, chồng ông cùng ông A tìm kiếm xung quanh trại ruộng thì tìm được 400.000 đồng. Tại phiên tòa, ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người làm chứng Nguyễn Thị X khai: Việc bị cáo lấy trộm tài sản của vợ, chồng ông T bà không biết, nhưng khi bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội với ông T, thì bà có cùng ông T đi đến cái vông có giếng mừng, nơi bị cáo ngủ để tìm và phát hiện điện thoại hiệu Samsung Galaxy Note 5 của Tâm tại đó.

- Người làm chứng Nguyễn Văn Đ khai: Ngày 25/6/2018, anh có mua của bị cáo một chiếc điện thoại hiệu Meizu M5 Note, với giá là 1.000.000 đồng, anh không biết điện thoại này do bị cáo lấy trộm mà có. Sau đó, bị cáo có đến tiệm điện thoại của anh để mua lại điện thoại hiệu Meizu M5 Note đã bán.

- Người làm chứng Ngô Minh A khai: Ông làm ruộng gần trại ruộng của vợ, chồng ông T. Những lần ông T bị mất tài sản thì ông có nghe ông T nói, khi ông T bị mất số tiền 17.000.000 đồng, ông có đến trại ruộng của ông T cùng tìm kiếm. Khi đó, ông phát hiện 02 tờ tiền, mỗi tờ trị giá 200.000 đồng nằm ở phía ngoài gần trại ruộng của ông T, nên nói cho bà L và bà L đã giữ số tiền đó.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo C khai nhận: Khoảng tháng 9/2017, tháng 3/2018 và các ngày 24, 26/6/2018, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông T và bà L, bị cáo đã 04 lần lén lút vào trại ruộng của ông T và bà L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm tiền là 21.000.000 đồng và 02 điện thoại di động, trị giá 3.700.000 đồng (theo Bản Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 04/7/2018 và số 43 ngày 31/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười), nhằm mục đích sử dụng và tiêu xài cá nhân. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 24.700.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;
- đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

[4] Xét, bị cáo C là người đã thành niên, bị cáo và gia đình sống bằng nghề cày, xới đất ruộng thuê cho người khác. Đáng lý ra, khi có nghề nghiệp ổn định, bị cáo phải biết chí thú làm ăn để tạo ra của cải vật chất lo cho bản thân, gia đình và giúp ích cho xã hội. Nhưng ngược lại, xuất phát từ mục đích muốn có tiền tiêu xài, mà không phải bỏ công sức lao động, nên bị cáo đã nhiều lần đến trại ruộng của ông T và bà L để lấy trộm tài sản. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[5] Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử lưu động tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt và sống có ích cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng *“Phạm tội nhiều lần”* theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ *“Bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”*, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại Võ Thanh T yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 20.600.000 đồng đã lấy trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị cáo C đồng ý bồi thường và đã bồi thường được số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 15.600.000 đồng buộc bị cáo C tiếp tục bồi thường cho người bị hại Võ Thanh T và người bị hại Nguyễn Thị L.

[8] **Về vật chứng:** Đã giải quyết xong.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/- Xử phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ những ngày tạm giữ từ ngày 30/6/2018 đến ngày 06/7/2018.

3/- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho người bị hại Võ Thanh T và người bị hại Nguyễn Thị L số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50%/mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4/- Về án phí: Áp dụng Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 780.000 đồng (bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Thị).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hiến Cường

